

Số: **32** /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học
của Học viện Tài chính

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Học viện Tài chính;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện Tài chính;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 14 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện Tài chính. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện Tài chính đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện Tài chính sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45/50 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Tài chính cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học cho Học viện Tài chính theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp, in red, reads: "TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THĂNG LONG" in the center, and "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ GIÁO DỤC THĂNG LONG" around the perimeter. A blue ink signature is written over the stamp.

Phi Thị Nguyệt Thanh

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	5			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		3,80	4	80,00
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	45	90,00

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

(Kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện Tài chính, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, hướng đến đào tạo người học có kiến thức cơ bản và toàn diện, kiến thức chuyên sâu, năng lực thực hành chuyên môn thành thạo, tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, có kỷ luật và chuyên nghiệp, khả năng phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với sứ mạng của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học tại Luật Giáo dục đại học, tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chuẩn đầu ra của CTĐT nêu cụ thể các loại kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được công bố công khai ở nhiều dạng và qua các kênh khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có các nội dung cần thiết theo quy định, có bảng mô tả quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra. Tất cả các đề cương học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin cơ bản và cần thiết, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai cho các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Chương trình dạy học có các học phần được thiết kế theo yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; các phương pháp/hoạt động, tổ hợp phương pháp/hoạt động giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần được xác định phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, cân đối và liên mạch giữa các học phần thuộc khối giáo dục đại cương, khối giáo dục chuyên nghiệp, được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật theo kế hoạch, có khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có tham khảo một số CTĐT trong và ngoài nước.

4. Học viện có tuyên bố về Triết lý giáo dục, được phổ biến tới các bên liên quan qua các văn bản, tài liệu và được các bên liên quan trong Học viện thực hiện. Các giảng viên thiết kế hoạt động và phương pháp dạy học khá đa dạng, phù hợp để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các học phần và CTĐT. Tất cả các đề cương học phần đều nêu các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của

người học; giảng viên, người học, cựu người học hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học.

5. Học viện có quy định rõ về đánh giá kết quả học tập, các hình thức/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra. Đề cương học phần có các nội dung liên quan về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phúc khảo và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học, được công bố công khai tới người học qua nhiều hình thức. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến các bên liên quan; người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời theo quy định; thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được người học sử dụng để cải thiện việc học tập. Học viện có quy định rõ ràng về khiếu nại điểm kiểm tra và phúc khảo bài thi, được phổ biến đến người học qua các kênh khác nhau; việc nộp đơn xin phúc khảo về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng.

6. Các văn bản về công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được ban hành đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Học viện. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn (03 năm) và đạt kết quả tốt. Có quy định cụ thể về loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Ngành Hệ thống thông tin quản lý đã đạt được các thành tích nghiên cứu khoa học như: Có 11 đề tài cấp Bộ/tỉnh, 11 sản phẩm nghiên cứu khoa học được đăng ký sở hữu trí tuệ; 50 đề tài cấp Học viện; công bố được 08 bài ISI/Scopus; 19 bài quốc tế khác; 77 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 05 giáo trình, 09 sách chuyên khảo, tham khảo; 24 bài tham luận hội thảo quốc gia, 16 bài tham luận hội thảo quốc tế.

7. Học viện đã ban hành chiến lược phát triển trong đó có dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên cơ bản đáp ứng nhu cầu của Học viện. Đã ban hành các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên và phổ biến công khai. Thực hiện tốt việc khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Học viện có chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định, được rà soát, cập nhật và công bố công khai, tạo điều kiện cho thí sinh có thông tin để đăng ký lựa chọn ngành học. Hoạt động tư vấn tuyển sinh đa dạng về hình thức (trực tiếp, trực tuyến). Học viện có bộ phận/cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và việc làm của sinh viên; các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá đa dạng, phong phú. Môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho

cá nhân sinh viên. Tỷ lệ sinh viên hài lòng với hoạt động tư vấn, hỗ trợ, môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội rất cao. Học viện có đầy đủ dữ liệu quản lý, theo dõi về sinh viên.

9. Học viện có đầy đủ phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng làm việc cho giảng viên, nghiên cứu viên; các trang thiết bị, phần mềm (Phyton, Microsoft visual studio, Microsoft SQL server) đáp ứng nhu cầu, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Thư viện có đầy đủ tài liệu, có phần mềm quản lý thư viện tích hợp Aleph và phần mềm tìm kiếm tập trung Primo đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu; kết nối được với 27 thư viện trong khối thư viện số đại học, 45 thư viện điện tử thuộc khối Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Hệ thống công nghệ thông tin có đầy đủ máy tính, phần mềm (Kế toán effect, Kaspersky, Office 365...), Internet cáp quang, wifi đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Học viện đã ban hành quy định một số tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Có hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn theo quy định. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên, nhân viên của Học viện được quan tâm.

10. Học viện có văn bản quy định về hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của bên liên quan. Thông tin phản hồi của bên liên quan được các đơn vị thu thập, xử lý và sử dụng để điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học và nâng cao các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Học viện thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định trong đề cương học phần; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được phản hồi thông qua các phiếu khảo sát làm căn cứ cho Học viện cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo có kết quả được sử dụng trong hoạt động dạy học; cơ chế phản hồi của bên liên quan được thiết lập, được rà soát và có cải tiến.

11. Học viện và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 01 năm tốt nghiệp. Dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật, thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo

đục kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Cập nhật mục tiêu CTĐT theo bối cảnh mới, nhất là kỹ năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, khảo sát nhu cầu/yêu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT để có thêm cơ sở điều chỉnh mục tiêu CTĐT. Rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của các học phần phù hợp, sử dụng các động từ trong các thang phân loại học tập Bloom hoặc tác giả khác, lồng ghép và làm rõ chuẩn đầu ra về kỹ năng dẫn dắt, kỹ năng quản lý và đánh giá theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, hoàn thiện bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Tăng cường ý kiến của đại diện người học, cựu người học, nhà tuyển dụng và giảng viên trong Khoa, các chuyên gia qua các cuộc họp về xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT, làm rõ việc sử dụng kết quả đối sánh với chuẩn đầu ra của các CTĐT ngành Hệ thống thông tin quản lý của các trường đại học trong và ngoài nước.

2. Rà soát, hoàn thiện bản mô tả CTĐT đầy đủ và chính xác tất cả các thông tin cần thiết; bổ sung đầy đủ các thông tin về thời lượng học tập lý thuyết, thực hành, thảo luận, thực tập, tự học... trong nội dung và kế hoạch giảng dạy; rà soát, hoàn thiện bảng ma trận chuẩn đầu ra và học phần phản ánh mức độ đóng góp của các học phần vào các chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo các chuẩn đầu ra được phân nhiệm hợp lý cho các học phần và ngược lại, các học phần đóng góp hợp lý vào các chuẩn đầu ra của CTĐT. Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về khả năng tiếp cận bản mô tả CTĐT.

3. Rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn xây dựng CTĐT và đề cương học phần theo chuẩn đầu ra, đảm bảo phân nhiệm phù hợp chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần và chuẩn đầu ra của học phần vào các nội dung/hoạt động học tập của học phần. Định kỳ đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của tổ hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với từng nhóm chuẩn đầu ra khác nhau để liên tục cải tiến. Rà soát bảng ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần sao cho phù hợp; tăng cường tính liên ngành, xuyên ngành của CTĐT trên cơ sở tích hợp sâu các học phần kinh doanh, quản lý với các học phần công nghệ thông tin và công nghệ số.

4. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là của giảng viên và người học về mức độ áp dụng Triết lý giáo dục trong dạy và học cũng như ý kiến đóng góp cụ thể để bổ sung/điễn giải nội hàm Triết lý giáo dục. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm về cách thức lồng ghép Triết lý giáo dục vào hoạt động giảng dạy và học tập nhằm chia sẻ và lan tỏa những kinh nghiệm cụ thể hóa Triết lý giáo dục sâu rộng trong Học viện. Tăng cường các phương pháp học tập tích cực như case studies/dạy học dựa trên tình huống, đóng vai, học theo dự án, các phương pháp học hợp tác/tích cực...

5. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học tại đề cương học phần cần được thiết kế phù hợp hơn để đánh giá các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, mức tự chủ và trách nhiệm. Có quy trình/tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức chọn lựa phương pháp, công cụ, hình thức kiểm tra đánh

giá phù hợp với từng loại chuẩn đầu ra, rubric hỗ trợ đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học. Rà soát sự phù hợp của từng hình thức kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần làm cơ sở xác định các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp và bổ sung vào đề cương học phần; thực hiện đánh giá độ giá trị/độ tin cậy của các công cụ kiểm tra đánh giá; lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo để có cơ sở cải tiến quy định.

6. Có dự báo phát triển đội ngũ giảng viên cho Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và từng ngành đào tạo trong bản chiến lược phát triển Trường để làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và tăng tỷ lệ giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư. Xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao tạo thuận lợi cho tuyển dụng; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên. Có hoạt động đánh giá hiệu quả sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng để có những cải tiến chất lượng và lựa chọn nội dung cần thiết nâng cao năng lực cho giảng viên. Tăng cường hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước của cùng ngành học để cải thiện hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học đáp ứng với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện. Hoàn thiện phần mềm tổng thể trong quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho giảng viên để giúp giám sát, đánh giá việc thực hiện công việc đáp ứng xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

7. Xác định các chỉ tiêu cụ thể về các lĩnh vực hoạt động để thực hiện theo các giai đoạn cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chiến lược; ban hành, bổ sung, cập nhật các văn bản để tổ chức, quản lý, điều hành tất cả hoạt động của Học viện; điều chỉnh cơ chế thu hút phù hợp hơn để tăng số lượng đội ngũ nhân viên chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) để quản trị, đánh giá nhân viên thông qua khối lượng công việc. Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến các quy định, quy chế, quy trình... cho phù hợp thực tế.

8. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để đưa ra dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Thực hiện việc đánh giá, đối sánh chất lượng đầu vào và kết quả học tập của người học ở các phương thức tuyển sinh làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh, điều chỉnh phương thức tuyển sinh và chỉ tiêu ở mỗi phương thức tuyển sinh. Điều chỉnh, bổ sung một số dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên. Có văn bản quy định nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn tâm lý - sức khỏe tâm thần cho sinh viên và phân công/tuyển nhân sự có chuyên môn phụ trách. Rà soát, điều chỉnh mẫu phiếu lấy ý kiến và thực hiện khảo sát rộng rãi các bên liên quan về mức độ hài lòng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện. Kết quả khảo sát cần tách riêng từng ngành đào tạo để phân tích, đánh giá chính xác thông tin khảo sát. Định kỳ khảo sát, phân tích ý kiến của sinh viên về nhu cầu tư vấn nghề nghiệp, việc làm, khởi nghiệp để có kế hoạch hỗ trợ phù hợp.

9. Có phương án thiết kế cơ sở mới để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định; bổ sung kịp thời các trang thiết bị

phòng học, thực hành; thay thế một số máy tính có cấu hình cao hơn và cập nhật phần mềm đáp ứng việc học tập, nghiên cứu cho người học. Khảo sát đa dạng các bên liên quan về đáp ứng nhu cầu sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, môi trường, sức khỏe, an toàn; phân tích số liệu khảo sát riêng từng ngành, từng khoa và cần đánh giá phân tích định lượng; cần tổ chức định kỳ, ít nhất 01 lần/năm khám sức khỏe và triển khai thực hiện rộng rãi tư vấn tâm lý cho người học.

10. Mở rộng phạm vi lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, chú ý lấy ý kiến của đội ngũ các chuyên gia về phát triển CTĐT từ các trường đại học khác, các viện nghiên cứu về khoa học chuyên ngành, cơ quan quản lý Nhà nước về đào tạo liên quan đến chuyên ngành làm cơ sở điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học. Rà soát, đánh giá và ban hành quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học (thay cho công văn và thông báo), sử dụng hữu ích kết quả khảo sát làm căn cứ cải tiến quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Đa dạng hóa các tiêu chí đánh giá phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Tăng cường nghiên cứu khoa học liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung trong phiếu khảo sát liên quan đến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác; có quy định rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi.

11. Rà soát các giải pháp đã triển khai và đề xuất các giải pháp mới nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT đúng thời gian quy định, cải thiện tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn quy định; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ rút ngắn thời gian tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn, tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp. Thực hiện việc đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cùng CTĐT với các cơ sở giáo dục khu vực ASEAN và quốc tế cùng với kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tổ chức các hội nghị chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các giải pháp khắc phục và hỗ trợ người học tốt nghiệp cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp với CTĐT. Tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, cải tiến chất lượng và nâng cao số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học của Học viện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.